TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 159/2023/DS-ST Ngày: 28-9-2023 V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Phong.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Mỹ Dung;

2. Ông Trương Ngọc Điệp.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Hiếu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một: Bà Lưu Kim Hằng – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 473/2023/TLST-DS ngày 08 tháng 8 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 150/2023/QĐST–DS ngày 25 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1988; địa chỉ: Ấp A, xã A, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Tuấn T1, sinh năm 1976; địa chỉ: Số A đường M, Phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ liên hệ: Số B đường T, phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 30/6/2023), có đơn xin giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Hoàng N, sinh năm 1983; địa chỉ: Đ, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An; Tạm trú: B34 đường NB4, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Nguyễn Tuấn T1 trình bày:*

Ngày 21/5/2022 bà Nguyễn Thị Thanh T có cho ông Nguyễn Hoàng N vay số tiền 777.000.000 đồng, hai bên thống nhất lãi suất 1.5%/tháng, thời hạn vay là 6 tháng, việc vay tiền các bên có ký hợp đồng cho vay tiền ngày 21/5/2022. Tuy nhiên, đến thời hạn trả nợ ông N cố tình trốn tránh, không trả tiền vay cho bà T bất kỳ khoản gốc, lãi nào, bà T

đã nhiều lần liên hệ nhưng ông N cố tình tránh né. Do đó, bà T khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Hoàng N phải trả số tiền gốc 777.000.000 đồng và tiền lãi 1.5%/tháng kể từ ngày 21/5/2022 đến ngày xét xử ngày 28/9/2023 là 01 năm 4 tháng 07 ngày với số tiền 189.199.500 đồng.

Bị đơn ông Nguyễn Hoàng N đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông N không gửi văn bản trình bày ý kiến trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tham gia phiên tòa phát biểu: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đầy đủ, đúng các quy định pháp luật tố tụng dân sự và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng theo quy định pháp luật. Kiểm sát viên không có ý kiến cũng như kiến nghị sửa chữa, bổ sung gì thêm về phần thủ tục.

Về nội dung, căn cứ theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Hoàng N có tạm trú tại số B đường N, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.1.] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn ông Nguyễn Hoàng N phải trả số tiền nợ gốc 777.000.000 đồng và tiền lãi 189.199.500 đồng. Vì vậy, xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hợp đồng mà các bên giao kết là hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự.

[1.2.] Bị đơn ông Nguyễn Hoàng N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Đại diện nguyên đơn ông Nguyễn Hoàng N có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở để xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại các Điều 227, 228 và 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung: Ngày 21/5/2022 bà Nguyễn Thị Thanh T có cho ông Nguyễn Hoàng N vay số tiền 777.000.000 đồng, nhưng từ thời điểm vay đến nay ông N không trả cho bà T bất kỳ khoản gốc, lãi nào. Quá trình tố tụng giải quyết Tòa án ban hành thông báo về phiên hòa giải, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, chuyển giao tài liệu, chứng cứ nguyên đơn khởi kiện, thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và quyết định đưa vụ án ra xét xử công khai tại Tòa án nhưng bị đơn ông Nguyễn Hoàng N không đến Tòa án cũng không

có văn bản trình bày ý kiến của mình trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Như vậy, thể hiện bị đơn vắng mặt không có lý do chính đáng là đã tự từ bỏ quyền tố tụng và nghĩa vụ chứng minh của mình và phải chịu hậu quả pháp lý từ việc này. Do đó, hội đồng xét xử chỉ xem xét các chứng cứ do nguyên đơn xuất trình và do Tòa án thu thập.

[3] Việc thỏa thuận vay tiền các các bên được thể hiện tại giấy vay tiền ngày 21/5/2022 là hoàn toàn đúng quy định của pháp luật. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn trả lại số tiền gốc đã vay 777.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 466, Điều 470 của Bộ luật Dân sự.

[4] Về lãi suất: Nguyên đơn yêu cầu tính tiền lãi từ ngày 21/5/2022 đến ngày xét xử ngày 28/9/2023 là 01 năm 4 tháng 07 ngày với số tiền 189.199.500 đồng là phù hợp với quy định tại khoản 4, Điều 466 Bộ luật Dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Từ những phân tích trên, có cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[6] Xét thấy, lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông Nguyễn Hoàng N phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 6, Điều 8, Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 91, Khoản 1 Điều 147, Khoản 2 Điều 184, Khoản 2 Điều 227, Điều 228, 235, 238, 266, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ Điều 429, Điều 463, Điều 466, Điều 468 và Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử :

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T đối với bị đơn ông Nguyễn Hoàng N về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Buộc bị đơn ông Nguyễn Hoàng N có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Thanh T số tiền nợ gốc 777.000.000 đồng và tiền lãi 189.199.500 đồng, tổng cộng 966.199.500 đồng.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Bị đơn ông Nguyễn Hoàng N phải nộp số tiền 40.986.000 đồng án phí sơ thẩm.

2.2. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T không phải nộp án phí. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một hoàn trả cho số tiền 19.753.000 đồng tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0012666 ngày 02/8/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết công khai theo luật định./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND Tp. Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS Tp. Thủ Dầu Một;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh Phong